

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: **63/2020/HC-PT**

Ngày: 19 - 5 - 2020

*V/v Về khiếu kiện hành vi hành  
chính*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Phước Thanh

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Quốc Cường

Ông Vũ Thanh Liêm

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thanh Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Tấn Ánh, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 120/2020/TLPT-HC ngày 04 tháng 02 năm 2020 về việc “*Về khiếu kiện hành vi hành chính*”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2019/HC-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 651/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Minh H; địa chỉ: Khu phố 3, phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị - Ông T có mặt; bà H vắng mặt.

*Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện:*

- Ông Võ Ngọc M; địa chỉ: Số 04 đường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (*Giấy ủy quyền ngày 05/8/2019*) - Có mặt.

- Bà Mai Thị Tuyết Nh; địa chỉ: Số 04 đường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (*Giấy ủy quyền ngày 05/8/2019*) - Xin xét xử vắng mặt.

**2. Người bị kiện:** Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị; địa chỉ trụ sở: Số 09, đường L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị;

*Người đại diện hợp pháp của người bị kiện:* Ông Phan Đăng H1 - Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị là người đại diện theo ủy quyền (*giấy ủy quyền số 03/UQ ngày 27/9/2019*) - Có mặt.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- UBND thành phố Đ; địa chỉ: Số 01, đường H2, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị - Xin xét xử vắng mặt.

- UBND phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: Khu phố 06, phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

*Người đại diện hợp pháp của UBND phường Y: Ông Nguyễn Đăng T1 - Cán bộ địa chính phường Y là người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền số 03/GUQ-UBND ngày 06/11/2019 và ngày 22/11/2019) - Có mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 19/8/2019 và quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Minh H trình bày:*

Ngày 19/5/2004, ông T, bà Minh H được Hội đồng xét duyệt đất đai phường Y, Đông Hà xét giao cho sử dụng lô đất số 24, tờ bản đồ số 16 có chiều dài 18,5m; chiều rộng 07,5m với diện tích 138,75m<sup>2</sup>. Lô đất này thuộc quy hoạch dân cư Hồ tiêu TL theo Quyết định 964/QĐ-UB của UBND thị xã Đông Hà về việc phê duyệt thiết kế quy hoạch phân lô khu nhà ở gia đình cán bộ, công nhân viên Xí nghiệp Hồ tiêu TL. Sau khi được xét duyệt, đối với lô số 24 còn mỏ mả chưa di dời nên chưa làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông T, bà H rào lại bằng trụ bê tông và dây kẽm gai và trồng cây để đánh dấu là đất đã có chủ và cho đến khi Nhà nước triển khai làm dự án Công viên thành phố Đ không có ai tranh chấp. Ông T, bà H nộp thuế sử dụng đất đầy đủ từ năm 2004 đến năm 2017.

Theo Văn bản số 728/TTPTQĐ-GPMB ngày 16/8/2018 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị, ông T và bà H mới biết khi đo đạc để lập hồ sơ thu hồi đất, cơ quan chức năng chia thành 03 thửa, trong đó có 01 thửa diện tích 98m<sup>2</sup> là không có mỏ mả. Trong Thông báo thu hồi đất số 49/TB-UBND ngày 08/4/2016 của UBND thành phố Đ có tên ông Nguyễn Văn T trong danh sách bị thu hồi đất, nhưng ông T và bà H không được bồi thường. Thực tế phần lăng mộ nằm ở lô 25 và lẹm sang một phần lô 24. Ông T, bà H có quyền sử dụng trên lô đất đó, khi Nhà nước thu hồi thì phải có đền bù, hỗ trợ theo quy định; Nhà nước đã bồi thường phần lăng mộ nên ông T và bà H phải được bồi thường phần đất còn lại.

Việc Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị có hành vi không làm thủ tục bồi thường, hỗ trợ đất đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T và bà H. Vì vậy, ông T và bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Văn bản số 69/TTPTQĐ-GPMB ngày 25/1/2019 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị và buộc Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị bồi thường cho ông T, bà H một lô đất tương ứng với lô đất bị thu hồi. Trong trường hợp không có đất để bồi thường thì yêu cầu bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật đất đai năm 2013.

*\* Người bị kiện Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị trình bày:*

Văn bản số 69/TTPTQĐ-GPMB ngày 25/1/2019 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị là văn bản hành chính thông T mang tính chất trao đổi và việc ban hành đúng quy định pháp luật.

Sau khi có Thông báo thu hồi đất số 49/TB-UBND ngày 08/4/2016 của UBND thành phố Đ, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất trên theo quy định. Theo quy định tại Điều 24 Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh. Còn việc xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, chủ sử dụng đất thuộc trách nhiệm của UBND xã, phường, thị trấn đồng thời là cơ sở để lập phương án bồi thường, hỗ trợ về đất. Theo báo cáo số 06/BC-UBND ngày 21/1/2019 của UBND phường Y xác nhận nguồn gốc thửa đất số 54/12, tờ bản đồ số 16 (*trước đây lô số 24, tờ bản đồ số 16*) là đất do UBND phường Y quản lý nên theo quy định tại Điều 82 Luật đất đai năm 2013 thì không được bồi thường về đất.

Đối với việc ông T kê khai nộp thuế sử dụng đất thửa số 26, tờ bản đồ số 14 không phải thửa số 54/12 tờ bản đồ số 16 và việc kê khai nộp thuế của ông T ngày 14/3/2018 sau khi có thông báo thu hồi đất. Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị căn cứ văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Trị về việc giải quyết kiến nghị của ông T tại buổi tiếp công dân nên đã ban hành Văn bản số 69/TTPTQĐ-GPMB ngày 25/1/2019. Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị có thẩm quyền lập phương án bồi thường. Còn việc thông báo, ban hành Quyết định thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ đất là thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Đ.

Vì vậy, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H.

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND thành phố Đ không có ý kiến gì.*

UBND thành phố Đ đã được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tuy nhiên UBND thành phố Đ không có ý kiến gì.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường Y trình bày:*

UBND phường Y họp xét đề nghị giao đất cho hộ ông T ngày 19/5/2004 và trên diện tích đất xét giao có các phần mộ của các hộ dân chưa được di dời nên ông T không thực hiện được thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên thực tế, ông T chưa sử dụng lô số 24, tờ bản đồ số 16. Từ khi UBND phường Y họp xét đề nghị giao đất cho hộ ông T ngày 19/5/2004 đến ngày 08/4/2016 UBND thành phố Đ có Thông báo thu hồi đất số 49/TB-UBND thì ông T không sử dụng lô đất này. Vì vậy, việc xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất để giải phóng mặt bằng xây

dựng công viên thành phố Đ quy chủ lô đất số 24 là đất của UBND phường Y. Việc ông T nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp tại thửa đất số 26, tờ bản đồ số 14 diện tích 140m<sup>2</sup>, ông T không nộp thuế tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 16.

Vì vậy, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Minh H.

**Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2019/HC-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính; Điều 62, Điều 66, Điều 67, Điều 74, khoản 1 Điều 75, Điều 101 và Điều 102 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Minh H về yêu cầu Tòa án hủy Văn bản số 69/TTPTQĐ-GPMB ngày 25/1/2019 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị và buộc Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị thực hiện bồi thường cho ông T, bà H một lô đất tương ứng với lô đất bị thu hồi. Trong trường hợp không có đất để bồi thường thì yêu cầu bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật đất đai năm 2013.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Minh H kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T, bà H không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính và về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX tuyên bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy:*

[1] Về việc không đưa bà Nguyễn Thị Thu H3 tham gia tố tụng:

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Minh H khởi kiện cho rằng Ông, Bà là chủ sử dụng lô đất số 24, tờ bản đồ số 16 nhưng Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị không lập thủ tục bồi thường, hỗ trợ đất (*Văn bản số 69/TTPTQĐ-GPMB ngày 25/1/2019*) là không đúng pháp luật và đã xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ông, Bà nên yêu cầu Tòa án hủy Văn bản số 69/TTPTQĐ-GPMB ngày 25/1/2019

của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị và buộc Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị thực hiện bồi thường, hỗ trợ về đất cho Ông, Bà. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Minh H không có liên quan đến việc bà Nguyễn Thị Thu H3 được bồi thường về tài sản mà bà H3 đã đầu tư trên đất: Chuồng gà, bơ, chuối (*không được bồi thường về đất*). Cho nên, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà H3 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là đúng quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo Quyết định số 946/QĐ-UB ngày 16/12/2003 của UBND thành phố Đ về việc phê duyệt thiết kế quy hoạch phân lô khu nhà ở để giao đất ở cho gia đình cán bộ, công nhân Xí nghiệp Hồ tiêu TL và Biên bản cuộc họp của Hội đồng xét duyệt đất đai phường Y ngày 19/5/2004, thể hiện ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Minh H được xét cấp lô đất số 24, tờ bản đồ số 16, diện tích 138,75m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, diện tích đất của lô đất số 24, tờ bản đồ số 16 có lăng mộ của chủ mộ là ông Nguyễn Văn Lượng (*Theo biên bản kiểm kê ngày 15/7/2016 thì có 09 ngôi mộ, được bao bọc tường rào xung quanh*) nhưng ông T, bà H không thỏa thuận được việc di dời với ông Lượng nên không tiến hành các thủ tục về đất (*Giao đất tại thực địa, lập hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính...*) theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư 24/2014/TT-BTNM, Điều 68, Điều 69 Luật đất đai năm 2013. Vì vậy, đến thời điểm UBND thành phố Đ ban hành Thông báo thu hồi đất số 49/TB-UBND ngày 08/4/2016 thì ông T, bà H chưa được UBND thành phố Đ giao đất, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; UBND phường Y, Đông Hà chỉ mới xét đơn đăng ký quyền sử dụng đất và chưa cắm mốc giao đất đối với hộ ông T, bà H.

[2.2] Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Minh H cho rằng sau khi được Hội đồng xét duyệt đất đai phường Y xét chấp nhận đơn cho Ông, Bà vào ngày 19/5/2004 thì Ông, Bà đã lập ranh giới (*hàng rào trụ bê tông, dây kẽm gai*), trồng cây (*chuối*) trên lô đất số 24, tờ bản đồ số 16, diện tích 138,75m<sup>2</sup>.

Tuy nhiên, tại Biên bản làm việc ngày 12/01/2019 của UBND phường Y thì bà Hoàng Thị Thiên, bà Dương Thị Hoa, ông Nguyễn Trung Trầm, bà Dương Thị Thương, bà Cao Thị Oanh đều có lời khai xác nhận: *Trước khi xây dựng Công viên Đông Hà thì trên đất chỉ có 01 số cây cối mọc tự nhiên, sau khi thực hiện giải phóng mặt bằng để xây dựng Công Viên năm 2017 thấy ông T về trồng Chuối và rào hàng rào dây thép gai ở lô đất này*. Lời khai của các nhân chứng nêu trên phù hợp với biên bản kiểm kê ngày 15/7/2016 và ngày 19/5/2017 không thể hiện trên diện đất của lô đất số 24, tờ bản đồ số 16 có hàng rào trụ bê tông, dây kẽm gai và những cây chuối như lời khai của của ông T, bà H. Do đó, không có căn cứ xác định ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Minh H là người đang quản lý và sử dụng đất.

Đối với việc kê khai nộp thuế: Ông T kê khai nộp thuế tại thửa đất số 26, tờ bản đồ số 14 không phải thửa số 54/12 tờ bản đồ số 16 và việc kê khai nộp thuế của ông T tại lô đất số 24, tờ bản đồ số 16 được ông T thừa nhận tại Biên bản làm việc ngày 14/8/2018 của Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị: “*từ năm 2004 đến năm 2017 gia đình ông không nộp thuế đối với thửa đất này. Đến cuối năm 2017 gia đình kê khai bổ sung...*”. Lời khai của ông T phù hợp với Tờ khai thuế của ông T lập ngày 02/11/2017 và phù hợp Công văn số 96/CCT-NVDTPC ngày 28/10/2019 của Chi cục thuế khu vực Đông Hà - Cam Lộ xác nhận: Ngày 02/11/2017 ông T đến xin kê khai thửa đất số 26, tờ bản đồ số 14 với diện tích 140m<sup>2</sup>.

[3] Từ các nhận định trên, HĐXX cấp phúc thẩm có đủ căn cứ xác định: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Minh H chưa được UBND thành phố Đ giao đất, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ông T, bà H không quản lý, sử dụng đất và việc kê khai nộp thuế đối sau khi có thông báo thu hồi đất số 49/TB-UBND ngày 08/4/2016. Do đó, UBND phường Y xác định nguồn gốc thửa đất số 54/12, tờ bản đồ số 16 (*trước đây lô số 24, tờ bản đồ số 16*) là đất do UBND phường Y quản lý và Văn bản số 69/TTPTQĐ-GPMB ngày 25/1/2019 xác định không đủ điều kiện bồi thường về đất đối với thửa số 54/12, tờ bản đồ số 16 (*tức là lô số 24, tờ bản đồ số 16*) là đúng quy định tại Điều 75, Điều 82 và Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và Điều 18, 20, 21 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Thương, bà Nguyễn Thị Minh H.

[4] Đại diện người bị kiện còn cho rằng việc bồi thường đối với bà H3, ông Lượng không có tên trong danh sách bồi thường và UBND phường Y xác định đất thuộc UBND phường quản lý có dấu hiệu không minh bạch. Các vấn đề trên không liên quan đến vụ án này.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Minh H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[6] Giữ nguyên Quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính.

Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Minh H; giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xử:

Áp dụng: Điều 62, Điều 66, Điều 67, Điều 74, Điều 75, Điều 82, Điều 100 và Điều 101 Luật đất đai 2013; Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ và Điều 18, 20, 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Minh H về việc yêu cầu Tòa án hủy Văn bản số 69/TTPTQĐ-GPMB ngày 25/1/2019 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị và buộc Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị thực hiện bồi thường cho ông T, bà H một lô đất tương ứng với lô đất bị thu hồi. Trong trường hợp không có đất để bồi thường thì yêu cầu bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật đất đai năm 2013.

Án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Minh H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu số 0676 ngày 02/01/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lê Phước Thanh**